

Chiều ngày 21/02/2016 bà Nguyễn Thị T (là bác của anh Nguyễn Anh H) thuê xe đồ đất tôn vườn cạnh con đường đi vào nhà ông, bà. Sáng ngày 22/02/2016 ông T có đến cửa nhà bà T hỏi bà T ai đồ đất tại ngõ nhà ông dẫn đến hai bên có lời qua tiếng lại xúc phạm nhau. Anh Nguyễn Anh H lúc này đang ở trong nhà, thấy vậy đã ra đám thẳng vào mặt trái của ông T, tiếp đó anh H dùng gậy tre đánh tiếp vào lưng và tay ông làm vỡ chiếc đồng hồ đeo tay. Lúc này Bà Nguyễn Thị S là mẹ anh H cũng chạy ra cầm gậy đánh ông T 01 cái vào lưng. Bà N là vợ ông T chạy đến thì bà S và bà N lao vào túm tóc nhau, thấy vậy anh H đã lao vào đám vào mặt phải của bà N và vào đầu. Sau đó được mọi người can ngăn nên sự việc xô sát chấm dứt. Hậu quả, ông T và bà N đều bị tổn thương và đi Bệnh viện G khám thương tích, sau lấy đơn thuốc về nhà điều trị thương tích. Cụ thể ông T mua thuốc điều trị hết 131.532 đồng, tiền sửa đồng hồ hết 350.000 đồng, tổng cộng chi phí hết 481.532 đồng. Bà N mua thuốc điều trị hết 237.202 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra từ đó cho đến nay, ông, bà chưa được bồi thường khoản tiền nào. Nay ông T và bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị S phải bồi thường cho ông T số tiền 3.341.000 đồng, bồi thường cho bà N số tiền 1.537.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Anh H trình bày: Sáng ngày 22/02/2016 anh thấy bác mình là bà Nguyễn Thị T cãi, chửi nhau với ông T nên anh có ra bảo ông T không được chửi bậy, thì ông T có chỉ vào mặt anh nên anh có gạt tay ông T ra, sau đó anh và ông T đã lao vào xô sát, vật lộn với nhau. Do được mọi người can ngăn thì sự việc chấm dứt, anh không đánh bà N cái nào. Nay ông T, bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe anh không đồng ý vì cho rằng không gây thương tích cho ông T, bà N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Gia đình bà đồ đất ngày 21/02/2016 không ảnh hưởng đến nhà ông T, nhưng sáng ngày 22/02/2016 ông T, bà N đã đến gây sự chửi bới và xô sát với bà. Con bà là anh H ra can ngăn thì ông T, bà N đánh cả con bà nên bà đã dùng roi tre vọt can ngăn hai bên. Nay ông T, bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe bà không đồng ý vì bà cho rằng không gây thương tích cho ông T, bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các bên đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận nguyên đơn ông T, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm, các đương sự đều có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản khai, tham gia phiên họp và hòa giải và cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại các Điều 174, 175, 177, 220 và Điều 227 của BLTTDS, nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được nguyên nhân xuất phát từ việc ngày 21/02/2016 gia đình bà S đổ đất tôn vườn cạnh đường đi vào nhà ông T nên sáng ngày 22/02/2016 ông T đã đến chửi bới gây sự với anh H và bà S, bà N thấy vậy cũng từ nhà đã chạy ra can ngăn dẫn đến xảy ra xô sát giữa hai bên. Trong quá trình xô sát anh H đã có hành vi đâm vào mắt ông T và bà N, bà S túm tóc và dùng roi tre đánh bà N, dùng roi tre đánh ông T. Hậu quả ông T, bà N bị tổn thương phải đi Bệnh viện khám và lấy đơn thuốc về nhà điều trị, ngoài ra ông T còn bị vỡ chiếc đồng hồ đeo tay.

Xét về lỗi trong vụ án này thấy rằng anh H và bà S đã có hành vi dùng tay và roi tre cố ý gây thiệt hại về tài sản và thương tích đối với ông T, bà N. Hành vi đó được pháp luật bảo vệ, vì theo quy định của pháp luật thì không ai có quyền được xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của người khác. Do đó, xét về lỗi trong vụ án này hoàn toàn thuộc về anh H và bà S. Vì vậy việc ông T, bà N yêu cầu anh H và bà S phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ phù hợp quy định các Điều 584, 587, 589, 590 Bộ luật dân sự cần chấp nhận và buộc anh H, bà S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T, bà N theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được việc bồi thường. Theo quy định các Điều 584, 589, 590 xác định mức thiệt hại của ông T, bà N như sau:

- + *Về thiệt hại của ông T:*
 - Thiệt hại về sức khỏe: Tiền mua thuốc điều trị của ông T: 131.500 đồng, tiền bồi thường về tổn thất về tinh thần: 01 tháng lương tối thiểu = 1.300.000 đồng. Tổng cộng là: 1.431.500 đồng. Khoản bồi thường này anh H và bà S cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T.
 - Thiệt hại về tài sản (tiền sửa đồng hồ) là: 350.000 đồng. Khoản tiền này anh H phải bồi thường cho ông T.
- + *Về thiệt hại của bà N:* Tiền thuốc điều trị hết 237.000 đồng;
Bồi thường tổn thất về tinh thần: 01 tháng lương tối thiểu = 1.300.000 đồng.
Tổng cộng các khoản: 1.537.000 đồng.

Do anh H có lỗi nhiều hơn bà S nên anh H phải chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng 60%, bà S phải chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng 40% tổng số tiền thiệt hại.

[3] Về án phí: Anh H và bà S phải chịu một khoản án phí Dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 584, 585, 587, 589 và Điều 590 của BLDS; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm của ông Hà Mậu T và bà La Thị N.

1. Buộc anh Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Hà Mậu T tổng số tiền do sức khỏe bị xâm phạm là: 1.431.500 đồng. Anh H phải chịu trách nhiệm bồi thường 831.500đ (Tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng), bà S chịu trách nhiệm bồi thường 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

- Anh H còn phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T khoản tiền sửa đông hồ là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy anh H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T (2 khoản) là: 1.181.500đ (Một triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

2. Buộc anh Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà La Thị N tổng số tiền do sức khỏe bị xâm phạm là: 1.537.000 đồng. Anh H phải chịu trách nhiệm bồi thường 922.000đ (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng), bà S chịu trách nhiệm bồi thường 615.000đ (Sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H và bà S không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông T, bà N (nguyên đơn) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị S (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn